

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 10 Nguyễn Huệ, Phường 1, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	1
PHẦN II: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
PHẦN III: BÁO CÁO KẾ TOÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN	3
PHẦN IV: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	4
PHẦN V: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	5
PHẦN VI: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	6
PHẦN VII: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	7
PHẦN VIII: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	8
PHẦN IX: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	9
PHẦN X: BẢNG CHẤM ĐÓNG KINH TẾ	10

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá từ Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 đăng ký thay đổi lần thứ tám vào ngày 10 tháng 6 năm 2013.

- **Vốn pháp định** : 6.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 24.810.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Số 1 Đường số 1, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	1.581.000	15.810.000.000	63,72
2	Ông Phan Quốc Anh	Số 12 E Phan Đình Phùng, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	4,03
3	Vốn cán bộ CNV		15.000	150.000.000	0,60
4	Các cổ đông khác		785.000	7.850.000.000	31,65
	Cộng		2.481.000	24.810.000.000	100,00

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-613) 899 860

Fax : (84-613) 899 750

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 9 9 1 6

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt); Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Chế biến đá; Nạo vét kênh rạch; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuy nèn; Kinh doanh khu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

vui chơi, giải trí; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hoá thủy nội địa; Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép); Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động tư vấn quản lý; Khai thác vật liệu xây dựng; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hoá; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình (không chứa hàng tại trụ sở).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Bì Long Sơn

Chủ tịch

Ông Nguyễn Hữu Hạnh

Thành viên

Ông Phan Quốc Anh

Thành viên

Ông Trần Hương Quảng

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồng

Trưởng ban

Ông Trịnh Văn Ba

Thành viên

Bà Trương Thị Nhung

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bì Long Sơn

Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Quang Nho

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thành Long

Phó Tổng Giám đốc

Ông Tăng Xuân Hưng

Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 37).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt ("Vietland") đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:



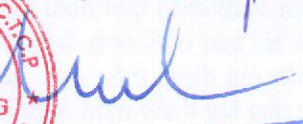
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc 



BÌ LONG SƠN

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015

Số: 0275/2015/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện trích lập đủ khoản dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, số dự phòng ước tính cần trích lập được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh sẽ làm chi tiêu chi phí quản lý tăng lên 614.500.435 VND và chi tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi một khoản tương ứng. Trên bảng cân đối kế toán chi tiêu dự phòng phải thu khó đòi tăng thêm 614.500.435 VND.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-01

VÕ THỊ THU HƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0455-2013-037-01

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		293.311.679.317	284.987.745.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.011.339.762	29.434.347.730
1. Tiền	111		8.811.339.762	21.734.347.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	7.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.400.000.000	10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.400.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.908.405.860	192.956.526.304
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	42.872.668.808	73.244.227.269
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	21.344.826.538	11.461.134.066
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	155.690.910.514	108.358.192.517
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	-	(107.027.548)
IV. Hàng tồn kho	140		53.363.924.924	48.348.904.852
Hàng tồn kho	141	V.6	53.363.924.924	48.348.904.852
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.628.008.771	4.247.966.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	193.673.119	95.933.985
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.18	3.721.158.005	3.482.114.240
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6.705.750
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	713.177.647	663.212.704
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.490.115.134	55.149.771.601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		884.130.836	176.596.373
Phải thu dài hạn khác	218	V.9	884.130.836	176.596.373
II. Tài sản cố định	220		63.348.373.083	53.540.105.603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.573.168.639	19.008.345.272
<i>Nguyên giá</i>	222		33.003.679.393	27.568.615.598
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.430.510.754)	(8.560.270.326)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	279.720.000	279.720.000
<i>Nguyên giá</i>	228		279.720.000	279.720.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	41.495.484.444	34.252.040.331
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.320.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	10.320.000.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		937.611.215	433.069.625
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	937.611.215	433.069.625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.801.794.451	340.137.517.166

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		321.126.598.490	291.319.968.433
I. Nợ ngắn hạn	310		131.331.519.037	143.784.282.805
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	71.428.876.729	59.792.549.210
2. Phải trả người bán	312	V.16	36.175.340.636	64.616.867.164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	16.287.057.922	1.749.255.775
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	312.473.437	231.716.813
5. Phải trả người lao động	315		1.110.732.655	1.303.312.026
6. Chi phí phải trả	316		2.451.462.103	25.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	3.689.925.346	16.185.409.253
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	(124.349.791)	(119.827.436)
II. Nợ dài hạn	330		189.795.079.453	147.535.685.628
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	42.060.000.000	18.666.000.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	57.735.079.453	38.869.685.628
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.675.195.961	48.817.548.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	47.675.195.961	48.817.548.733
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.182.884.718	19.978.758.024
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	1.160.642.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.682.311.243	2.868.148.045
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.801.794.451	340.137.517.166

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



BÌ LONG SƠN
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Kế toán trưởng

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	133.263.417.035	155.294.184.389
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.263.417.035	155.294.184.389
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.332.227.950	145.938.574.769
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.931.189.085	9.355.609.620
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.265.594.380	4.172.847.449
7 Chi phí tài chính	22		6.282.098.101	4.774.851.014
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.282.098.101	4.774.851.014
8 Chi phí bán hàng	24	VI.4	544.017.291	36.360.925
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	10.896.126.962	8.033.110.898
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		474.541.111	684.134.232
11 Thu nhập khác	31		2.056.781.898	649.575.171
12 Chi phí khác	32		629.682.570	152.009.354
13 Lợi nhuận khác	40	VI.6	1.427.099.328	497.565.817
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.901.640.439	1.181.700.049
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	349.751.328	316.176.145
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.551.889.111</u>	<u>865.523.904</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.8	<u>426</u>	<u>347</u>

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



BÌ LONG SƠN
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Kế toán trưởng

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.901.640.439	1.181.700.049
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.143.062.999	1.007.742.333
- Các khoản dự phòng	03		(107.027.548)	(59.613.378)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.494.868.513)	(4.804.865.631)
- Chi phí lãi vay	06		6.282.098.101	4.774.851.014
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.724.905.478	2.099.814.387
- Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09		(27.834.689.429)	(29.830.239.456)
- Giảm hàng tồn kho	10		(5.015.020.072)	(12.907.697.079)
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.240.860.155)	43.011.419.972
- Giảm chi phí trả trước	12		(602.280.724)	(243.174.837)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.282.098.101)	(4.774.851.014)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(518.560.415)	(57.851.781)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		392.032.670	249.878.995
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(562.738.583)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.939.309.331)	(2.452.700.813)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.349.744.029)	(28.897.603.836)
- Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.818.181.818	632.018.182
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		3.600.000.000	(10.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(9.320.000.000)	9.800.000.000
- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.265.594.380	4.172.847.449
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.985.967.831)	(24.292.738.205)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		120.849.378.342	115.781.615.228
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.819.050.823)	(78.739.525.659)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.528.058.325)	(1.633.726.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.502.269.194	35.408.362.964
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(20.423.007.968)	8.662.923.946
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.434.347.730	20.771.423.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.011.339.762	29.434.347.730

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



BÌ LONG SƠN
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Kế toán trưởng

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- 3. Ngành, nghề kinh doanh** :

Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt); Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Chế biến đá; Nạo vét kênh rạch; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất gạch, ngói bằng lo nung tuy nen; Kinh doanh khu vui chơi, giải trí; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hoá thuỷ nội địa; Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép); Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động tư vấn quản lý; Khai thác vật liệu xây dựng; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ nội địa; Bốc xếp hàng hoá; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình (không chứa hàng tại trụ sở).

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 115 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 128 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 9 của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, thay thế thông tư 203/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 29 tháng 10 năm 2009.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm các khoản tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 31
Máy móc thiết bị	02 - 09
Phương tiện vận tải	02 - 07
Thiết bị văn phòng	02 - 05

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng, đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các loại chứng khoán đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 3 năm.

13. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của một số hoạt động chủ yếu được ghi nhận cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động cho thuê đất, phí hạ tầng

Doanh thu hoạt động cho thuê đất, phí sử dụng hạ tầng trả tiền hàng năm được ghi nhận căn cứ hợp đồng cho thuê đất và việc phát hành hóa đơn cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê đất trả tiền một lần được phân bổ cho số năm thuê đất của khách hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	637.008.636	233.464.001
Tiền gửi ngân hàng	8.174.331.126	21.500.883.729
Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000	7.700.000.000
Cộng	<u>9.011.339.762</u>	<u>29.434.347.730</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam chi nhánh Đồng Nai

2. Đầu tư ngắn hạn khác

Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam chi nhánh Đồng Nai Đồng Nai	6.400.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>6.400.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng TMCP BIDV Việt Nam chi nhánh Đồng Nai

3. Phải thu khách hàng

Ban Quản lý dự án Huyện Định Quán	5.467.489.698	9.375.208.698
Ban Quản lý dự án Huyện Nhơn Trạch	3.942.688.388	19.713.784.319
Ban Quản lý dự án Thoát nước Đồng Nai	555.289.000	2.741.507.000
Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông	9.990.364.000	16.861.466.637
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.167.143.350	2.066.135.267
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	740.766.821	11.151.597.373
Công ty Cổ phần Thanh Hưng	4.520.649.100	4.695.097.500
Ban Quản lý dự án Huyện Vĩnh Cửu	510.727.000	1.230.122.000
Ban Quản lý dự án Thành phố Biên Hoà	2.798.923.129	1.471.379.106
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô Thị Đồng Nai	958.251.484	959.064.484
DNTN Mỹ Duyên	1.452.000.000	1.089.000.000
Sở Giao thông vận tải Đồng Nai	10.134.000	10.924.050
Công ty TNHH MTV Thịnh Đức Gia Hân	1.104.565.100	560.455.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công Thu	3.642.799.004	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Tuấn Thành Phan Thị Ngọc Tuyền	1.989.524.379	-
Phan Thị Ngọc Tuyền	780.000.000	-
Các khách hàng khác	2.241.354.355	1.318.485.835
Cộng phải thu khách hàng	<u>42.872.668.808</u>	<u>73.244.227.269</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(107.027.548)
Phải thu khách hàng thuần	<u>42.872.668.808</u>	<u>73.137.199.721</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đàm Công Năm	257.599.888	1.411.275.365
Hà Phát	191.751.187	1.652.956.289
Lê Xuân Nha	55.672.116	1.603.958.856
Nguyễn Quốc Toàn	3.249.067.716	1.473.092.108
Hà Châu Tuấn	3.045.027.808	1.746.160.528
Nguyễn Văn Huy	1.205.012.285	122.033.900
Công ty CP Dân dụng Công nghiệp Số 1 Đồng Nai	1.596.000.000	-
Nhà máy TOKIN-NETSUREN	4.845.324.031	-
Võ Công Vinh	1.008.655.338	-
Vũ Trọng Nghĩa	4.238.651.943	-
NM Beton Đúc sẵn Hùng Vương	-	419.247.950
Đặng Thanh Tâm	-	562.789.339
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Seen	-	598.185.937
Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư	-	315.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.652.064.226	1.556.433.794
Cộng	<u>21.344.826.538</u>	<u>11.461.134.066</u>

5. Các khoản phải thu khác

Ứng tiền đền bù mỏ đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hoà	34.909.660.000	11.741.280.000
Ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu	120.759.331.363	96.574.439.276
Các khoản phải thu khác	21.919.151	42.473.241
Cộng	<u>155.690.910.514</u>	<u>108.358.192.517</u>

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	2.623.573.463	1.163.908.812
Công cụ dụng cụ	-	144.642
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.613.609.594	46.333.155.736
Thành phẩm	1.126.741.867	851.695.662
Cộng	<u>53.363.924.924</u>	<u>48.348.904.852</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí trả trước	95.933.985	390.792.326	293.053.192	193.673.119
Cộng	<u>95.933.985</u>	<u>390.792.326</u>	<u>293.053.192</u>	<u>193.673.119</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	713.177.647	658.325.189
Ký quỹ ngắn hạn	-	4.887.515
Cộng	713.177.647	663.212.704

9. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ phục hồi cải tạo môi trường	884.130.836	176.596.373
Cộng	884.130.836	176.596.373

Đây là khoản ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai để khai thác đá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	3.636.540.413	16.120.200.900	7.682.960.460	128.913.825	27.568.615.598
2. Tăng trong năm	49.504.988	896.237.791	5.351.051.272	-	6.296.794.051
- Mua sắm mới	49.504.988	896.237.791	5.351.051.272	-	6.296.794.051
3. Giảm trong năm	861.730.256	-	-	-	861.730.256
- Giảm khác (*)	861.730.256	-	-	-	861.730.256
4. Số cuối năm	2.824.315.145	17.016.438.691	13.034.011.732	128.913.825	33.003.679.393
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	1.202.461.462	1.600.034.710	5.663.119.773	94.654.381	8.560.270.326
2. Tăng trong năm	344.185.802	1.938.155.836	923.711.090	17.655.433	3.223.708.161
3. Giảm trong năm	272.822.571	80.645.162	-	-	353.467.733
- Thanh lý	272.822.571	-	-	-	272.822.571
- Giảm khác (*)	-	80.645.162	-	-	80.645.162
4. Số cuối năm	1.273.824.693	3.457.545.384	6.586.830.863	112.309.814	11.430.510.754
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	2.434.078.951	14.520.166.190	2.019.840.687	34.259.444	19.008.345.272
2. Số cuối năm	1.550.490.452	13.558.893.307	6.447.180.869	16.604.011	21.573.168.639

(*) Giảm chi phí khấu hao của Trạm trộn bê tông nhựa nóng Đắc Nông, do xác định lại thời gian khấu hao.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trưng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	94.232.000	1.410.993.996	4.405.627.550	-	5.910.853.546
2. Số cuối năm	94.232.000	1.501.987.996	4.405.627.550	49.007.100	6.050.854.646

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai là 13.343.254.790 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất không thời hạn ở xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu nhà ở Hoá An	-	18.861.363
Mỏ đá Tân Cang 4	19.833.337.087	16.663.845.819
Mỏ Cát	3.082.249.709	3.082.249.709
Chi phí xây dựng dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	18.579.897.648	14.487.083.440
Cộng	<u>41.495.484.444</u>	<u>34.252.040.331</u>

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Góp vốn dự án cải tạo QL 91	-	9.320.000.000	-	-
Cộng		<u>10.320.000.000</u>		<u>1.000.000.000</u>

Góp vốn đầu tư dự án Quốc lộ 91 theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số 78/BB-PTKCN ngày 08/10/2014 giữa Tổng Công ty Phát Triển KCN với Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Đồng Nai và Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	433.069.625	1.269.184.178	764.642.588	937.611.215
Cộng	<u>433.069.625</u>	<u>1.269.184.178</u>	<u>764.642.588</u>	<u>937.611.215</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	69.228.876.729	57.192.549.210
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (xem Thuyết minh số V.21)	640.000.000	1.040.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư phát triển (xem Thuyết minh V.21)	1.560.000.000	1.560.000.000
Cộng	<u>71.428.876.729</u>	<u>59.792.549.210</u>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay ký ngày 30 tháng 5 năm 2013. Thời hạn vay là 1 năm, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô, phương tiện vận tải và thiết bị xe máy cơ giới chuyên dùng, đất và công trình trên đất tại Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, đất tại xã Lang Minh, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai; Quyền đòi nợ Ban quản lý dự án huyện Định Quán và Quyền đòi nợ ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch.

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico	5.495.692.776	6.057.027.623
Công ty TNHH Stolt Bitumen Việt Nam	2.698.667.400	8.352.339.000
Công ty TNHH Trường Toàn	2.291.127.687	5.004.658.207
DNTN Khánh Toàn I	1.800.328.184	1.788.087.760
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Đồng Nai	215.674.976	1.663.823.900
Công ty TNHH MTV Xây dựng Xuân Hương Phát	184.134.200	1.268.467.147
Công ty Cổ phần Ba An	864.471.732	1.397.136.584
DNTN Hà An	97.254.701	1.318.128.703
Công ty TNHH Xây dựng Hợp Thành Phát	3.821.511.161	207.639.039
Công ty TNHH Lộc Trường Kỳ	4.885.059.591	1.697.171.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xây dựng BMT	1.835.227.996	643.835.024
Công ty Công trình tư vấn Xây dựng Sông Đà	63.048.201	332.429.158
Trần Hữu Dũng	-	2.359.769.833
Nguyễn Văn Huy	-	2.723.837.284
Công ty Speco	-	13.031.802.000
Công ty TNHH Thương mại Dầu Khí Hồng Phúc	-	1.481.983.333
Công ty TNHH Võ Đăng Khoa	-	1.542.550.180
Vũ Trọng Nghĩa	-	1.301.459.533
Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh	-	68.905.042
Các nhà cung cấp khác	11.923.142.031	12.375.816.396
Cộng	<u>36.175.340.636</u>	<u>64.616.867.164</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cường Thuận	-	1.076.398.997
DNTN Gas Hiệp Hương	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	15.879.562.659	-
Công ty TNHH Hoà Bình	-	79.196.627
Các khách hàng khác	207.495.263	393.660.151
Cộng	16.287.057.922	1.749.255.775

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>01/01/2014</u>			<u>31/12/2014</u>
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	81.546	1.182.981.376	1.175.399.654	7.663.268
Thuế TNDN	219.133.981	349.751.328	518.560.415	50.324.894
Thuế TNCN	9.333.286	141.597.243	129.864.887	21.065.642
Thuế tài nguyên	2.208.000	591.036.525	573.159.625	20.084.900
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(6.705.750)	601.361.150	385.578.167	209.077.233
Các loại thuế khác	960.000	210.566.500	207.251.000	4.275.500
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	960.000	202.566.500	199.251.000	4.275.500
Cộng	225.011.063	3.077.294.122	2.989.813.748	312.491.437

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.6.

- **Thuế tài nguyên**

Thuế suất áp dụng là 11% đối với khai thác cát tính theo sản lượng khai thác với giá tính thuế là 115.000 VN/m³.

- **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

19. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	24.785.164	129.384.970
Bảo hiểm y tế	216.000	20.885.306
Bảo hiểm thất nghiệp	144.000	9.009.799
Quỹ đầu tư và phát triển Đồng Nai	-	602.964.253
Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	88.275.908	-
Bảo hành công trình	58.000.000	10.158.013.074
Nhận góp vốn vào khu mỏ đá Đaklua	2.130.000.000	2.130.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất tạm được miễn chờ quyết toán lại	864.967.125	465.356.625
Các khoản phải trả khác	523.537.149	2.669.795.226
Cộng	<u>3.689.925.346</u>	<u>16.185.409.253</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(145.882.837)	43.484.030	-	(102.398.807)
Quỹ phúc lợi	26.055.401	43.484.030	91.490.415	(21.950.984)
Cộng	<u>(119.827.436)</u>	<u>86.968.060</u>	<u>91.490.415</u>	<u>(124.349.791)</u>

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các bên tham gia dự án KCN Thạnh Phú		
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	<u>90.000.000.000</u>	<u>90.000.000.000</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (1)	38.960.000.000	16.360.000.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư và Phát triển (2)	3.100.000.000	2.306.000.000
Cộng	<u>42.060.000.000</u>	<u>18.666.000.000</u>

- (1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay số 20110141/HĐTĐ/SME ngày 21 tháng 07 năm 2011. Thời hạn vay là 07 năm, thời gian ân hạn 2 năm với lãi suất 13,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản hình thành trong tương lai là mỏ đá Tân Cang 4.

Khoản nợ dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được hoàn trả như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	640.000.000	1.040.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 4	38.960.000.000	16.360.000.000
	<u>39.600.000.000</u>	<u>17.400.000.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	640.000.000	1.040.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>38.960.000.000</u>	<u>16.360.000.000</u>

- (2) Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam theo Hợp đồng vay số 44/2012/HĐTĐ/TD-MT ký ngày 10 tháng 10 năm 2012. Khoản vay này Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vay hộ cho Ban Quản lý Dự án. Thời hạn vay là 05 năm, lãi suất là 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi 03/2012/HĐTĐ ngày 27 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình và Hợp đồng tiền gửi 04/2012/HĐTĐ ngày 29 tháng 08 năm 2012 Tổng Công ty Phát triển KCN Sonadezi.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản nợ dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam được hoàn trả như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	1.560.000.000	1.560.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 3	3.100.000.000	2.306.000.000
	4.660.000.000	3.866.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.560.000.000	1.560.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	3.100.000.000	2.306.000.000
23. Doanh thu chưa thực hiện		
Nhận trước tiền phí sử dụng hạ tầng của Chang Shing	57.735.079.453	38.869.685.628
Cộng	57.735.079.453	38.869.685.628

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

24. Vốn chủ sở hữu**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	24.810.000.000	19.978.758.024	1.160.642.664	3.386.471.751	49.335.872.439
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	865.523.904	865.523.904
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	15.102.583	15.102.583
Tặng khác	-	-	-	200.000.000	200.000.000
Chi trả cổ tức	-	-	-	(1.624.849.380)	(1.624.849.380)
Thuế TNCN của cổ tức	-	-	-	(8.877.225)	(8.877.225)
Điều chỉnh theo Biên bản của Sở tài chính	-	-	-	34.776.412	34.776.412
Số cuối năm trước/	24.810.000.000	19.978.758.024	1.160.642.664	2.868.148.045	48.817.548.733
Số dư đầu năm nay					
Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	1.551.889.111	1.551.889.111
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	(471.248.168)	(471.248.168)
Kết chuyển dự án 38HA Hoá An	-	-	-	392.032.670	392.032.670
Trích lập quỹ	-	43.484.030	-	(130.452.090)	(86.968.060)
Chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	1.160.642.664	(1.160.642.664)	-	-
Chi trả cổ tức 2013	-	-	-	(2.528.058.325)	(2.528.058.325)
Số cuối năm nay	24.810.000.000	21.182.884.718	-	1.682.311.243	47.675.195.961

Trong năm 2014, Công ty thực hiện trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 được căn cứ theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 ngày 23 tháng 5 năm 2014.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Phát triển Khu Công nghiệp	15.810.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	<u>24.810.000.000</u>	<u>24.810.000.000</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.481.000	2.481.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.481.000</i>	<i>2.481.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.481.000	2.481.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.481.000</i>	<i>2.481.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp	106.286.547.285	153.484.423.223
Doanh thu bán thảm BTN	17.777.960.148	-
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	2.736.950.236	547.203.083
Doanh thu hoạt động khác	6.461.959.366	1.262.558.083
Cộng	<u>133.263.417.035</u>	<u>155.294.184.389</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn xây lắp	99.825.020.765	145.865.075.258
Giá vốn bán, thảm BTN	16.180.035.728	-
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp	1.564.239.248	-
Giá vốn hoạt động khác	1.762.932.209	73.499.511
Cộng	<u>119.332.227.950</u>	<u>145.938.574.769</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	848.661.328	1.035.560.494
Cổ tức, lợi nhuận được chia	299.967.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.116.966.052	3.137.286.955
Cộng	<u>4.265.594.380</u>	<u>4.172.847.449</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.282.098.101	4.774.851.014
Cộng	6.282.098.101	4.774.851.014

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	96.114.800	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.450.000	-
Chi phí bảo hành	145.479.764	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.972.727	36.360.925
Cộng	544.017.291	36.360.925

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	5.617.073.705	4.380.342.877
Chi phí nguyên vật liệu	457.726.166	436.027.698
Chi phí đồ dùng văn phòng	521.882.680	154.126.434
Chi phí khấu hao	401.809.829	350.021.649
Thuế, phí và lệ phí	822.786.250	470.558.423
Chi phí dự phòng	(107.027.548)	(56.085.260)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.419.997	732.470.049
Chi phí bằng tiền khác	2.371.455.883	1.565.649.028
Cộng	10.896.126.962	8.033.110.898

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.818.181.818	632.018.182
Thu nhập từ cung cấp điện cho các công trình	187.702.677	-
Thu nhập từ tư vấn kiểm định	27.133.567	-
Thu nhập khác	23.763.836	17.556.989
Cộng	2.056.781.898	649.575.171

8. Chi phí khác

Thu nhập từ tư vấn kiểm định	601.525.867	143.172.946
Nộp phạt	-	4.835.781
Chi phí khác	28.156.703	4.000.627
Cộng	629.682.570	152.009.354

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng lợi nhuận trước thuế	1.901.640.439	1.181.700.049
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	(172.316.410)	83.004.531
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	299.967.000	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	127.650.590	83.004.531
Lỗ năm trước chuyển sang	(40.422.969)	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chịu thuế	1.688.901.060	1.264.704.580
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp năm nay	371.558.233	316.176.145
Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm trước	(21.806.905)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	349.751.328	316.176.145

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.551.889.111	865.523.904
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(247.832.459)	(4.154.357)
<i>Lãi/lỗ dự án khu công nghiệp Thạnh Phú</i>	(6.480.002)	(19.256.940)
<i>Lãi/lỗ dự án Mỏ Cát</i>	(158.889.307)	-
<i>Lỗ dự án 38ha xã Hóa An</i>	392.032.671	-
<i>Lãi dự án khu dân cư Bửu Long</i>	(474.495.821)	15.102.583
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.056.224.193	861.369.547
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.481.000	2.481.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	426	347

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu	101.393.292.390	126.293.251.336
Chi phí nhân công	15.475.745.262	32.891.669.720
Chi phí khấu hao	3.146.445.999	1.007.742.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.219.109.585	22.840.124.184
Chi phí bằng tiền khác	7.033.071.971	2.639.723.561
Cộng	150.267.665.207	185.672.511.134

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hoà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng hệ thống

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	15.541.662.894	17.452.644.624
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	3.549.762.775	18.827.815.794

Góp vốn đầu tư

Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	<u>9.320.000.000</u>	<u>-</u>
---	----------------------	----------

Chuyển nhượng khoản đầu tư

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	<u>-</u>	<u>9.800.000.000</u>
-------------------------------------	----------	----------------------

Tại ngày kết thúc niên độ, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.167.143.350	2.066.135.267
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	740.766.821	11.151.597.373

Phải trả dài hạn khác

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	891.950.800	1.038.839.891
Cộng	<u>891.950.800</u>	<u>1.038.839.891</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.011.339.762	29.434.347.730
Đầu tư ngắn hạn	6.400.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	42.872.668.808	73.137.199.721
Các khoản phải thu khác	155.690.910.514	108.358.192.517
Tài sản dài hạn khác	-	4.887.515
Phải thu dài hạn khác	884.130.836	176.596.373
Đầu tư dài hạn khác	10.320.000.000	1.000.000.000
Cộng	225.179.049.920	222.111.223.856
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	71.428.876.729	59.792.549.210
Phải trả người bán	36.175.340.636	64.616.867.164
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.799.813.057	15.560.772.553
Phải trả dài hạn khác	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	42.060.000.000	18.666.000.000
Cộng	242.464.030.422	248.636.188.927

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, số tiền cho thuê đất nhận trước nhiều năm; đối với phí hạ tầng và các dịch vụ có liên quan, Công ty thu tiền hàng tháng; Vì thế, Công ty chỉ có rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	71.428.876.729	-	-	71.428.876.729
Phải trả cho người bán	36.175.340.636	-	-	36.175.340.636
Các khoản phải trả khác	2.799.813.057	-	-	2.799.813.057
Phải trả dài hạn khác	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	-	42.060.000.000	-	42.060.000.000
Cộng	110.404.030.422	42.060.000.000	90.000.000.000	242.464.030.422
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.011.339.762	-	-	9.011.339.762
Đầu tư ngắn hạn	-	6.400.000.000	-	6.400.000.000
Phải thu khách hàng	42.872.668.808	-	-	42.872.668.808

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản phải thu khác	155.690.910.514	-	-	155.690.910.514
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	884.130.836	-	884.130.836
Đầu tư dài hạn khác	-	10.320.000.000	-	10.320.000.000
Cộng	207.574.919.084	17.604.130.836	-	225.179.049.920

Chênh lệch thanh khoản thuần	(97.170.888.662)	24.455.869.164	90.000.000.000	17.284.980.502
-------------------------------------	-------------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

Số đầu năm

Vay và nợ	59.792.549.210	-	-	59.792.549.210
Phải trả cho người bán	64.616.867.164	-	-	64.616.867.164
Các khoản phải trả khác	15.560.772.553	-	-	15.560.772.553
Phải trả dài hạn khác	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	-	18.666.000.000	-	18.666.000.000
Cộng	139.970.188.927	18.666.000.000	90.000.000.000	248.636.188.927

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	29.434.347.730	-	-	29.434.347.730
Đầu tư ngắn hạn	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.137.199.721	-	-	73.137.199.721
Các khoản phải thu khác	108.358.192.517	-	-	108.358.192.517
Tài sản ngắn hạn khác	-	4.887.515	-	4.887.515
Phải thu dài hạn khác	-	176.596.373	-	176.596.373
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	210.929.739.968	11.181.483.888	-	222.111.223.856

Chênh lệch thanh khoản thuần

(70.959.551.041)	7.484.516.112	90.000.000.000	26.524.965.071
-------------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh xây dựng, vật liệu xây dựng và Bộ phận kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này.

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Xây dựng và vật liệu xây dựng	Hạ tầng KCN	Không phân bổ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	215.598.469.991	153.203.324.460		368.801.794.451
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				368.801.794.451
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	167.930.831.277	153.195.767.213		321.126.598.490
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả				321.126.598.490
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	203.318.353.723	136.819.163.443		340.137.517.166
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				340.137.517.166
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	153.938.592.063	137.381.376.370		291.319.968.433
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả				291.319.968.433

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cho thuê văn phòng	Nhà hàng, khách sạn	Không phân bổ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	130.526.466.799	2.736.950.236	-	133.263.417.035
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-	-
Tổng doanh thu	130.526.466.799	2.736.950.236	-	133.263.417.035
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	12.758.478.097	1.172.710.988		13.931.189.085
Chi phí không phân bổ			11.440.144.253	11.440.144.253
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.758.478.097	1.172.710.988	(11.440.144.253)	2.491.044.832
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết			-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư, tài chính khác	3.365.813.973	899.780.407		4.265.594.380
Chi phí tài chính	6.028.726.101	253.372.000		6.282.098.101
Lãi (lỗ) khác	1.413.262.531	13.836.797	-	1.427.099.328
Lợi nhuận trước thuế	11.508.828.500	1.832.956.192	(11.440.144.253)	1.901.640.439

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cho thuê văn phòng	Nhà hàng, khách sạn	Không phân bổ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	337.514.055	12.237.273		349.751.328
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.551.889.111
Năm trước				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	154.746.981.306	547.203.083	-	155.294.184.389
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
Tổng doanh thu	154.746.981.306	547.203.083	-	155.294.184.389
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.881.906.048	473.703.572	-	9.355.609.620
Chi phí không phân bổ			8.069.471.823	8.069.471.823
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.881.906.048	473.703.572	(8.069.471.823)	1.286.137.797
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết			-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư, tài chính khác	3.171.803.920	1.001.043.529		4.172.847.449
Chi phí tài chính	4.774.851.014			4.774.851.014
Lãi (lỗ) khác	497.565.817		-	497.565.817
Lợi nhuận trước thuế	7.776.424.771	1.474.747.101	(8.069.471.823)	1.181.700.049
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	316.057.063	119.082		316.176.145
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				865.523.904

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại tỉnh Đồng Nai, Đăknông, Lâm Đồng, Bình Phước. Bộ phận xây dựng, và kinh doanh vật liệu xây dựng tại tỉnh Đồng Nai, Đăknông, Lâm Đồng, Bình Phước. Hoạt động sản cho thuê hạ tầng KCN tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tỉnh Đồng Nai	113.662.987.612	150.554.088.480
Tỉnh Đắk Nông	17.274.179.148	4.722.815.909
Tỉnh Lâm Đồng	1.488.100.275	1.710.000
Tỉnh Bình Phước	838.150.000	15.570.000
Cộng	<u>133.263.417.035</u>	<u>155.294.184.389</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận (Tổng tài sản thuần)</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình (tổng giá trị tăng của TSCĐ)</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tỉnh Đồng Nai	4.183.265.177	4.782.272.368	5.628.363.164	926.158.547
Tỉnh Đắk Nông	17.669.623.462	14.505.792.904	668.430.887	14.630.792.904
Tỉnh Lâm Đồng	-	-	-	-
Tỉnh Bình Phước	-	-	-	-
Cộng	<u>21.852.888.639</u>	<u>19.288.065.272</u>	<u>6.296.794.051</u>	<u>15.556.951.451</u>

4. Thông tin so sánh

Số đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt.

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2015



BÌ LONG SƠN
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Kế toán trưởng

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính